TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **291**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2024.
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 900/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc B**, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Thôn 1B, xã L, huyện P, tỉnh Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: 576A, tổ 10, khu phố M, phường P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Công D**, sinh năm 1994;

Địa chỉ thường trú: Thôn 1B, xã L, huyện P, tỉnh Hải Phòng.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 10, khu phố M, phường P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Công D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015; quyển số 01/2014 ngày 07/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D không chịu chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chịu lo kinh tế, không quan tâm đến con cái, thường xuyên không về nhà, nhiều lần chủ nợ đến nhà tìm, hơn nữa anh D còn là một người có tính bạo lực gia đình và đập phá tài sản trong nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện tại hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm không còn quan tâm gì đến nhau nữa từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Công D.

- Về con chung: Chị B xác định có 02 con chung, cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/12/2017. Ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu B. Tạm thời không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, khanh yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Hoàng Công D được Toà án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó không có ý kiến hay chứng cứ gì giao nộp cho Toà án.**

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, không có lời khai nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc B, cho chị Phạm Thị Ngọc B được ly hôn với anh Hoàng Công D; Về con chung: Giao 02 con chung cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/12/2017 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu; Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết;

- Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Hoàng Công D. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Phạm Thị Ngọc B là nguyên đơn, anh Hoàng Công D là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 23/4/2024, Công an phường P, thành phố Biên Hòa cung cấp: Anh Hoàng Công D hiện nay đang cư trú tại tổ 10, khu phố M, phường P, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Hoàng Công D nhưng anh D không đến Toà làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử; chị Phạm Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với anh D, chị B.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc B, HĐXX xét thấy: Chị B và anh D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2015; quyển số 01/2014 ngày 07/7/2015. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D không chịu chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chịu lo kinh tế, không quan tâm đến con cái, thường xuyên không về nhà, nhiều lần chủ nợ đến nhà tìm, hơn nữa anh D còn là một người có tính bạo lực gia đình và đập phá tài sản trong nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vì không muốn gia đình đổ vỡ nhiều lần hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện tại hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm không còn quan tâm gì đến nhau nữa từ năm 2018 cho đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định nhưng anh D không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, điều đó cho thấy anh D đã bỏ mặc hôn nhân của mình không muốn hàn gắn lại với chị B. Toà án đã

tiến hành hòa giải nhưng chị B vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh D nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Phạm Thị Ngọc B được ly hôn với anh Hoàng Công D.

[6] Về con chung: Có 02 con chung, cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/12/2017. Ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu B. Tạm thời chị B không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không làm việc được với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy cháu B còn nhỏ, cháu N là con gái nên cả hai cháu cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ, xét nguyện vọng của cháu N là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý, việc ăn ở học hành của các cháu. Vì vậy, cần thiết giao cháu N, cháu B cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc B phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Hoàng Công D không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc B, cho chị Phạm Thị Ngọc B được ly hôn với anh Hoàng Công D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 21/01/2016 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 28/12/2017 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không yêu cầu.

Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Phạm Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp tại biên lai số 0003314 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị Phạm Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Hoàng Công D không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc B, anh Hoàng Công D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường An Bình,TP.Biên Hoà;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.

Chị Huỳnh Thị Kim Kiên- Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hoà.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Hằng và anh Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: chị Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai . Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/7/2020 anh Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận canh khai chưng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Khoa. Ngày 13/8/2020, chị Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Chị Hằng và anh Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống khanh hạnh phúc. Nguyên nhân do anh

Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần anh Khoa đánh đập chị. Mỗi lần đánh đập chị, chị có báo chính quyền địa phương, có thời gian anh Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn khanh thay đổi, tính nào tật đó. Ngày 17/4/2020 Canh an phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Khoa về "hành vi lặng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình". Tuy bị anh Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên chị đã cố chịu đựng nhưng anh Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe doạ tính mạng của chị và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay chị và anh Khoa sống ly thân với nhau, khanh ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng khanh hạnh phúc, tình cảm khanh còn, mục đích hôn nhân khanh đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khoa. Xét yêu cầu ly hôn của chị Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc chị Hằng xin ly hôn với anh Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Nhung, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn chị Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, anh Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho chị Hằng nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với chị Hằng, do chị Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Hằng, giao cháu Hùng cho chị Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Khoa khanh phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Nhung, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên khanh đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung khanh ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Chánh:Về tài sản chung: Chị Hằng và anh Khoa tự thoả thuận, khanh yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên khanh đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Chị Hằng và anh Khoa khai khanh có, khanh yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên khanh đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Chị Trần Thị Hằng phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Chị Hằng và anh Khoa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**